

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành “Quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Nam Định”.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 29/TTr-STP ngày 01 tháng 6 năm 2016 về việc ban hành quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Nam Định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Nam Định”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- Lưu: VP1, VP8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Đình Nghị

QUY ĐỊNH

Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Nam Định

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16/2016/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân tỉnh Nam Định)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Đối tượng áp dụng: Các công chứng viên đề nghị thành lập Văn phòng công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

Điều 2. Nguyên tắc xét duyệt hồ sơ

1. Việc xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

2. Việc xét duyệt thành lập các Văn phòng công chứng phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020 (ban hành theo Quyết định số 2104/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng chính phủ).

Chương II TIÊU CHÍ VÀ SỐ ĐIỂM TÍNH CHO CÁC TIÊU CHÍ

Điều 3. Các tiêu chí và thang điểm cho các tiêu chí xét duyệt hồ sơ

1. Các tiêu chí xét duyệt hồ sơ

a) Tiêu chí về trụ sở của Văn phòng công chứng;

b) Tiêu chí về công chứng viên;

c) Tiêu chí về tổ chức nhân sự;

d) Tiêu chí về trông giữ xe và cơ sở vật chất;

2. Thang điểm chấm cho các tiêu chí tại khoản 1 Điều này theo thang điểm 100

- a) Tiêu chí về trụ sở của Văn phòng công chứng, tối đa 30 điểm;
- b) Tiêu chí về công chứng viên, tối đa 30 điểm;
- c) Tiêu chí về tổ chức nhân sự, tối đa 25 điểm;
- d) Tiêu chí về trông giữ xe và cơ sở vật chất, tối đa 15 điểm.

Điều 4. Tiêu chí về trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng

1. Trụ sở của Văn phòng công chứng phải có địa chỉ cụ thể; có nơi làm việc cho công chứng viên và người lao động; đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các đơn vị sự nghiệp; có nơi tiếp người yêu cầu công chứng và nơi lưu trữ hồ sơ công chứng.

2. Tiêu chí tính điểm cụ thể

a) Trụ sở của Văn phòng công chứng thuộc sở hữu của một trong số các công chứng viên sáng lập được tính 20 điểm. Trường hợp thuê, mượn theo hợp đồng thì tính 10 điểm;

b) Nơi tiếp người yêu cầu công chứng có diện tích từ 30m² trở lên được tính 05 điểm;

c) Nơi lưu trữ hồ sơ công chứng có diện tích từ 30m² trở lên tính 05 điểm.

Điều 5. Tiêu chí về công chứng viên

1. Về số lượng công chứng viên:

a) Có dưới ba công chứng viên hợp danh được tính 15 điểm;

b) Có từ ba công chứng viên hợp danh trở lên được tính 20 điểm.

2. Về thời gian hành nghề công chứng của Trưởng Văn phòng:

a) Thời gian hành nghề từ 02 năm đến dưới 05 năm được tính 05 điểm;

b) Thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên được tính 10 điểm.

Điều 6. Tiêu chí về tổ chức nhân sự của Văn phòng công chứng

1. Tiêu chí về nhân viên nghiệp vụ.

a) Mỗi nhân viên nghiệp vụ có bằng trung cấp luật được tính 03 điểm;

b) Mỗi nhân viên nghiệp vụ có bằng đại học chuyên ngành luật được tính 05 điểm;

c) Trường hợp có nhiều nhân viên nghiệp vụ thì tổng điểm của tiêu chí này không quá 16 điểm.

2. Có nhân viên kế toán có bằng trung cấp kế toán trở lên được tính 03 điểm.

3. Có nhân viên công nghệ thông tin hoặc có phương án thuê dịch vụ công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động được tính 03 điểm.

4. Có nhân viên làm công tác lưu trữ có bằng trung cấp lưu trữ trở lên được tính 03 điểm.

5. Các trường hợp nhân sự quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này chỉ được tính điểm khi trong hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có kèm theo tài liệu chứng minh.

Điều 7. Tiêu chí về nơi trông giữ xe và cơ sở vật chất

1. Tiêu chí diện tích trông giữ xe

a) Có diện tích giữ xe từ 30m² được tính 03 điểm;

b) Địa điểm giữ xe thuận lợi, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông được tính 02 điểm.

2. Tiêu chí về cơ sở vật chất

a) Trang bị máy tính và các trang thiết bị khác như máy photocopy, máy fax, máy in, bàn ghế và các trang thiết bị cần thiết khác để đảm bảo hoạt động của Văn phòng công chứng được tính 03 điểm;

b) Có phương án đăng ký nối mạng internet và thiết kế website của Văn phòng công chứng, tạo địa chỉ email của Văn phòng công chứng, công chứng viên và các nhân viên được tính 03 điểm;

c) Có phương án phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật được tính 02 điểm;

d) Có phương án đầu tư xây dựng phần mềm quản lý nghiệp vụ, kế toán: được tính 02 điểm.

Chương III

CÁCH THỨC XÉT DUYỆT, CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

Điều 8. Nộp và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng

1. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng tại Sở Tư pháp và chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ.

2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm xét duyệt, chấm điểm từng hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng.

Điều 9. Cách thức chấm điểm

1. Việc xét duyệt và chấm điểm hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng phải được lập thành biên bản.

2. Hồ sơ được đề nghị xét chọn phải đạt từ 50 điểm trở lên và phải đạt điểm cao nhất trong số hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trong

01 đơn vị quy hoạch cấp huyện. Trong trường hợp có nhiều hồ sơ có số điểm bằng nhau thì hồ sơ đề nghị xét chọn sẽ theo các thứ tự ưu tiên sau:

a) Hồ sơ có số điểm về tổ chức nhân sự cao hơn (số điểm về nhân sự ưu tiên theo thứ tự: Công chứng viên, nhân viên nghiệp vụ, nhân viên lưu trữ).

b) Trường hợp các Hồ sơ nêu tại điểm a khoản này có số điểm bằng nhau thì sẽ ưu tiên xét duyệt cho hồ sơ có điểm số về cơ sở vật chất cao hơn.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sau khi có Quyết định thành lập Văn phòng công chứng của UBND tỉnh, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra các nội dung được trình bày trong Đề án; nếu Văn phòng công chứng không đảm bảo được các nội dung thì đề nghị UBND tỉnh thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng.

2. Trường hợp Văn phòng công chứng đang hoạt động có yêu cầu thay đổi trụ sở thì Sở Tư pháp hướng dẫn Văn phòng công chứng phải đảm bảo tiêu chí về trụ sở theo quy định trước khi thay đổi trụ sở.


3. Sở Tư pháp hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 11. Khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về việc xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng, từ chối cho phép thành lập Văn phòng công chứng.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Đình Nghị